

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 298/2021/HS-ST
Ngày: 20/8/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan;
Ông Nguyễn Duy Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 338/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh năm 1974, tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Thôn Bào N, xã Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là số nhà 09/395 đường Nguyễn T, phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Nguyễn Trọng B và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thu H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 06/9/2006, tổ công tác Đội 2 Phòng PC 17 Công an tỉnh Thanh Hóa đang làm nhiệm vụ tại khu vực xã Đông H (nay là phường Đông H), thành phố Thanh Hóa thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại gia đình Nguyễn Thị Ng, ở thôn Bào N, xã Đông H, thành phố Thanh Hóa đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã đến gia đình

Nguyễn Thị N và bắt quả tang N đang bán ma túy cho Lê Văn T, sinh năm 1976, ở số nhà 240, Phan Bội C, phường Tân S, thành phố Thanh Hóa. Tổ công tác đã lập biên bản và thu giữ vật chứng gồm: thu trên tay Lê Văn T 01 gói ma túy và thu của N số tiền 100.000 đồng.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị N thì Nguyễn Trọng B là chồng của N đã tự giác giao nộp 35 gói nhỏ bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà được gói bằng giấy trắng học sinh và được bọc bằng nilong màu trắng; thu giữ 03 điện thoại di động và 500.000 đồng tiền Việt Nam.

Tại Bản kết luận giám định số 267/PC21 ngày 07/9/2006 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

1. Chất bột màu trắng ngà trong 01 gói giấy nhỏ màu trắng của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 0,02g. Qua giám định có thành phần Heroine.

2. Chất bột màu trắng ngà trong 35 gói giấy nhỏ màu trắng của phong bì ký hiệu M2 niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 3,02g. Qua giám định có thành phần Heroine.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận cụ thể như sau: khoảng 17h ngày 29/8/2006, Đặng Văn H ở 31/16 Dã T, phường Đông S, thành phố Thanh Hóa mang đến nhà bán cho Nguyễn Trọng B 01 “chí” Heroine với giá 1.500.000 đồng. Nguyễn Trọng B đem chia số Heroine trên thành 37 gói nhỏ và cất giấu. Đến sáng ngày 06/9/2006, B đưa cho N 02 gói nhỏ và dặn 01 gói bán 100.000 đồng, 01 gói bán 50.000 đồng. Khoảng 11h ngày 06/9/2006, B đang ngồi uống nước thì có Lê Ngọc S, sinh năm 1962, ở Bào N, Đông H, thành phố Thanh Hóa đến hỏi mua Heroine để sử dụng. Nguyễn Thị N đã bán cho S 01 gói heroine với giá 50.000 đồng. Cùng lúc đó có một người thanh niên khai tên Lê Văn T, sinh năm 1976, ở 240, Phan Bội C, phường Tân S, thành phố Thanh Hóa đến và hỏi mua ma túy. B từ chối không bán, thì S nói “ bán cho nó”. B nói N bán cho T. N đưa cho Thu 01 gói Heroine, T đưa cho N 100.000 đồng. Lúc này, tổ công tác Công an tỉnh Thanh Hóa vào và bắt quả tang, thu giữ của T 01 gói Heroine, thu của N 100.000 đồng. Khi Công an đang tiến hành bắt quả tang, thì Lê Ngọc S bỏ đi về nhà và sử dụng hết số ma túy mua được nên không thu giữ được gói Heroine mà N đã bán cho S. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với S. Lê Văn T sau khi viết lời khai xong (T khai cư trú tại số nhà 240 Phan Bội C, phường Tân S, thành phố Thanh Hóa), lợi dụng sơ hở khi khám xét nhà N đã bỏ trốn, xác minh tại địa chỉ nêu trên không có công dân nào tên là Lê Văn T như đã khai báo.

Quá trình điều tra vụ án, ngày 19/12/2006 Nguyễn Thị N có Kết quả giám định pháp y tâm thần: bị tâm thần phân liệt thể di chứng; khi thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Thị N bị hạn chế năng lực trách nhiệm về hành vi. Ngày 09/01/2007, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã ban hành Quyết định Tạm đình chỉ điều tra bị can số 08/CATP đối với Nguyễn Thị N. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 01/QĐ-KSĐT ngày 11/01/2007 đối với Nguyễn Thị N, nhưng cho đến nay N chưa thực hiện Quyết định này.

Ngày 06/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Thị N. Ngày 08/01/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa ban hành Quyết định số 01/QĐ-VKS hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 01/QĐ-KSĐT ngày 11/01/2007 đối với Nguyễn Thị N.

Ngày 29/3/2021, Cơ quan điều tra ban hành Quyết định số 236/CSĐT Trưng cầu giám định tâm thần đối với Nguyễn Thị N. Ngày 06/7/2021, Viện pháp y tâm thần Trung ương đã ban hành Văn bản số 221/KLGĐ Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu: Tại thời điểm giám định, bị can Nguyễn Thị N bị bệnh Tâm thần phân liệt thể Paranoid. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.0, bệnh ở giai đoạn ổn định, bị can đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Đối với Nguyễn Trọng B, Đặng Văn H và vật chứng của vụ án đã được xét xử và xử lý tại Bản án số 141/2007/HSST ngày 28/5/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Bản cáo trạng số 226/CT-VKS-TPTH ngày 02/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 194, điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N thống nhất với phần tội danh và điều luật áp dụng của cáo trạng đã truy tố bị cáo N. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi gây án bị cáo bị hạn chế năng lực trách nhiệm về hành vi, sau khi phạm tội

đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bố bị cáo là người có công với cách mạng vì vậy căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Kiểm sát viên đối đáp lại với quan điểm tranh luận của người bào chữa cho bị cáo: Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo khai, vào sáng ngày 06/9/2006, Nguyễn Trọng B đưa cho bị cáo 02 gói Heroine và dặn 01 gói bán 100.000 đồng, 01 gói bán 50.000 đồng. Khoảng 11 giờ cùng ngày tại thôn Bào N, xã Đông H, thành phố Thanh Hóa (nay là số nhà 09/395, Nguyễn T, phường Đông H, thành phố Thanh Hóa) bị cáo đã bán một gói Heroine cho Lê Ngọc S với giá 50.000 đồng, sau đó S đã mang về nhà sử dụng hết số ma túy này. Đến khoảng 11 giờ 30 phút, khi bị cáo bán cho một người thanh niên khai tên Lê Văn T 01 gói Heroine với giá 100.000 đồng thì bị tổ công tác Đội 2 Phòng PC 17 Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang. Số ma túy đã thu giữ khi bắt quả tang qua giám định có khối lượng là 0,02g, loại Heroine.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được các loại ma túy là chất gây nghiện được nhà nước thống nhất quản lý, nghiêm cấm mọi hành vi phạm tội liên quan đến ma túy nhưng vì hám lời bị cáo vẫn cố ý mua bán trái phép chất ma túy. Mặt khác hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tội phạm và các tệ nạn xã hội khác.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Tại Biên bản kết quả giám định pháp y tâm thần của Tổ chức giám định pháp y tâm thần tỉnh Thanh Hóa ngày 19/12/2006 đã kết luận: Nguyễn Thị N khi gây án bị hạn chế năng lực trách nhiệm về hành vi, Kết luận giám định pháp y tâm thần số 221/KLGĐ ngày 06/7/2021 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận: Tại thời điểm giám định, bị cáo bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid, bệnh ở giai đoạn ổn định. Mặt khác bố bị cáo là người có công với cách mạng, là thương binh hạng 4/4, được nhà nước tặng Huy chương hạng nhì, bản thân bị cáo là người gián tiếp bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam, được nhà nước trợ cấp thường xuyên. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Kiểm sát viên trong phần tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội nhiều lần, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh trước pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị N đồng phạm với Nguyễn Trọng B về tội “Mua bán chất ma túy”, tuy nhiên Nguyễn Trọng B là người giữ vị trí, vai trò chính trong vụ án, bị cáo N là người giúp sức với Bình. Nguyễn Trọng B đã được xét xử tại Bản án số 141/2007/HSST ngày 28/5/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự.

[6]. Đối với Đặng Văn H đã được xét xử tại Bản án số 141/2007/HSST ngày 28/5/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

[7] Xử lý vật chứng: Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được giải quyết tại Bản án số 141/2007/HSST ngày 28/5/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194, điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Nguyễn Thị N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương